

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 02/TTr-TTPTQĐ ngày 13/01/2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 60/TTr-STNMT ngày 17/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía

Đông chợ Dinh mới tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 3), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **20.444.373.000 đồng** (Hai mươi tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng), trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 19.823.278.000 đồng.

+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 400.086.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 40.009.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường (70%) là 28.006.000 đồng).

+ Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 40.009.000 đồng.

- Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo)

2. Về tái định cư:

Bố trí 09 lô đất ở thuộc Khu Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn cho 08 hộ dân, với tổng diện tích là 1.414,6m². Tổng số tiền sử dụng đất các hộ dân phải nộp là 6.428.140.000 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỀ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG CHỢ DINH MỚI, PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 3)***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
1	Hộ bà Nguyễn Thị Chệ	Tổ 17, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	2.764.586.000
2	Hộ ông Đặng Văn Bánh (chết) Đặng Văn Nhựt đại diện	Tổ 17, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	94.346.000
3	Hộ ông Lê Văn Kha, vợ Võ Thị Kiều Mỹ Lệ	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1.221.476.000
4	Hộ ông Lê Văn Chát, vợ Ngô Thị Tô	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	45.119.000
5	Hộ ông Lê Thanh Vân, vợ Bùi Thị Hương	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1.886.026.000
6	Hộ bà Nguyễn Thị Nga	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	337.700.000
7	Hộ bà Nguyễn Thị Hy	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1.527.824.000
8	Hộ ông Huỳnh Ngọc Hưng	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1.963.931.000
9	Hộ bà Ngô Thị Quyên	Tổ 22, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	150.241.000
10	Hộ ông Nguyễn Lành (chết) con Nguyễn Chuột đại diện	Tổ 17, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	671.059.000
11	Nguyễn Văn Hạnh (chết), Hoàng Thị Liên	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	2.456.353.000

12	Hộ ông Lê Văn Thiều (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương đại diện kê khai	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	2.455.333.000
13	Lê Thị Nhung (chết); Nguyễn Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Ngọc Tùng, Nguyễn Thị Mai Thảo đại diện	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	2.660.483.000
14	Hộ ông Lê Thanh Tùng và bà Ngô Thị Mỹ Lệ	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1.588.801.000
I	Giá trị bồi thường, hỗ trợ		19.823.278.000
II	Giá trị thuê nhà ở (tại Phụ lục 02)		115.000.000
III	Giá trị thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (tại Phụ lục 03)		66.000.000
IV	Chi phí GPMB 2%: (IV x 2%)		400.086.000
V	Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế (Vx 10%)		40.009.000
VI	Tổng cộng: (IV + V + VI)		20.444.373.000

Phụ lục số 02
GIÁ TRỊ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà ở
1	Hộ bà Nguyễn Thị Chê	Tổ 17, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15.000.000
2	Hộ ông Lê Văn Kha, vợ Võ Thị Kiều Mỹ Lệ	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15.000.000
3	Hộ ông Lê Thanh Vân, vợ Bùi Thị Hương	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15.000.000
4	Hộ ông Huỳnh Ngọc Hưng	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15.000.000
5	Nguyễn Văn Hạnh (chết), Hoàng Thị Liên	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15.000.000
6	Hộ ông Lê Văn Thiệu (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương đại diện kê khai	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15.000.000
7	Lê Thị Nhung (chết); Nguyễn Ngọc Tường Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Ngọc Tùng, Nguyễn Thị Mai Thảo đại diện	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	10.000.000
8	Hộ ông Lê Thanh Tùng và bà Ngô Thị Mỹ Lệ	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15.000.000
Tổng cộng			115.000.000

Phụ lục số 03**THƯỜNG ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Thường đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có)
1	Hộ bà Nguyễn Thị Chê	Tổ 17, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
2	Hộ ông Đặng Văn Bánh (chết) Đặng Văn Nhựt đại diện	Tổ 17, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1.000.000
3	Hộ ông Lê Văn Kha, vợ Võ Thị Kiều Mỹ Lệ	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
4	Hộ ông Lê Văn Chát, vợ Ngô Thị Tô	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
5	Hộ ông Lê Thanh Vân, vợ Bùi Thị Hương	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
6	Hộ bà Nguyễn Thị Nga	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
7	Hộ bà Nguyễn Thị Hy	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
8	Hộ ông Huỳnh Ngọc Hưng	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
9	Hộ bà Ngô Thị Quyền	Tổ 22, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
10	Hộ ông Nguyễn Lãnh (chết) con Nguyễn Chuột đại diện	Tổ 17, KP 3, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
11	Nguyễn Văn Hạnh (chết), Hoàng Thị Liên	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
12	Hộ ông Lê Văn Thiệu (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương đại diện kê khai	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000

13	Lê Thị Nhung (chết); Nguyễn Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Ngọc Tùng, Nguyễn Thị Mai Thảo đại diện	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
14	Hộ ông Lê Thanh Tùng và bà Ngô Thị Mỹ Lệ	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	5.000.000
Tổng cộng			66.000.000

Phụ lục số 04

BẢNG TỔNG HỢP LÔ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CỦA CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG CHỢ DINH MỚI, PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 3)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bồi thường (m ²)	Giao đất theo Điều 42		Vị trí lô đất được giao và giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ phải nộp							
				K.1	K.3	Ký hiệu lô đất	Đường (lộ giới)	Diện tích lô đất (m ²)	Diện tích thu tiền (m ²)		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)
									Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể (đ/m ²)	Giá đất thị trường (đ/m ²)	
a	b	c	1	2		4	5	6	7,00	8=6-7	9	10	11={ (7*9) + (8*10) }
1	Hộ bà Nguyễn Thị Chê	Tổ 17, KP3, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	150,00	1		36-A5	ĐS5 (14m)	151,30	150,00	1,30	4.500.000	8.500.000	686.050.000
2	Hộ ông Lê Văn Kha, vợ Võ Thị Kiều Mỹ Lệ	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	140,00	1		37-A5	ĐS5 (14m)	141,10	140,00	1,10	4.500.000	8.500.000	639.350.000
3	Hộ ông Lê Thanh Vân, vợ Bùi Thị Hương	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	307,70	2		30-A5	ĐS5 (14m)	153,00	153,00		4.500.000	8.500.000	688.500.000
						31-A5	ĐS5 (14m)	153,00	153,00		4.500.000	8.500.000	688.500.000
4	Hộ ông Huỳnh Ngọc Hưng	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	140,00	1		28-A5	ĐS5 (14m)	141,10	140,00	1,10	4.500.000	8.500.000	639.350.000

5	Hộ ông Nguyễn Văn Hạnh (chết); vợ Hoàng Thị Liên	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	200,00	1		38-A5	ĐS5 (14m)	200,60	200,00	0,60	4.500.000	8.500.000	905.100.000
6	Hộ ông Lê Văn Thiều (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương đại diện kê khai	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	186,95	1		5-A4	ĐS5 (14m)	187,50	186,95	0,55	4.500.000	8.500.000	845.950.000
7	Hộ bà Lê Thị Nhung (chết); Nguyễn Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Ngọc Tùng, Nguyễn Thị Mai Thảo đại diện	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	123,04	1		2-A4	ĐS5 (14m)	125,00	123,04	1,96	4.500.000	8.500.000	570.340.000
8	Hộ ông Lê Thanh Tùng và bà Ngô Thị Mỹ Lệ	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn	153,00	1		4-A4	ĐS5 (14m)	162,00	153,00	9,00	4.500.000	8.500.000	765.000.000
	Tổng cộng		1.400,69	9				1.414,60	1.398,99	15,61			6.428.140.000